

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Ngô Minh Thi

**- T ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – T ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa:** Bà Trần Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Cao Anh T**, sinh năm 1983. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Anh **Lê Trung H**, sinh năm 1981. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Cao Anh T trình bày:* Vào năm 2009, chị và anh Lê Trung H tự quen biết được sự đồng ý của cha mẹ và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có

đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm vợ chồng, anh H cho rằng chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị cố duy trì cuộc hôn nhân để cả hai hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả, hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh H đã về nhà anh H sống từ tháng 3 năm 2021 nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: Có hai con tên Lê Cao Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/01/2009 và Lê Cao Diễm H (nữ), sinh ngày 16/12/2014. Chị đồng ý giao cháu Diễm Q cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Diễm H đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại Bản tự khai đề ngày 15/3/2022, Biên bản lấy lời khai đề ngày 05/4/2022 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Lê Trung H trình bày:*

Anh và chị Cao Anh T do tự quen biết, có tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống, sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh một thời gian đến năm 2019 do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng về sống bên gia đình chị T, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau, anh đã về nhà bên anh sống từ tháng 3 năm 2021 nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Do anh vẫn còn thương vợ thương con nên xin thời gian để hàn gắn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai con tên Lê Cao Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/01/2009 và Lê Cao Diễm H (nữ), sinh ngày 16/12/2014. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn, anh đồng ý giao cháu Diễm H cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm H mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm H đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Diễm Q đến

trưởng thành, anh H đồng ý việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào khoảng năm 2010 anh có mượn của ông Lạc Văn S ở quận T số vàng là 14 lượng lẻ 1ly vàng 18k để cất nhà để vợ chồng cùng ở, đến năm 2019 vợ chồng đã bán căn nhà rồi thuê nhà khác ở, sau đó vợ chồng về bên vợ (chị T) sinh sống. Anh yêu cầu chị T cùng chịu trách nhiệm trả nợ số vàng này. Anh xin cho anh thêm thời gian để tìm địa chỉ của ông S và có thời gian để thỏa thuận với chị T về số nợ này.

*Quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Cao Anh T trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về nợ chung: Vào khoảng năm 2010 chị có nghe anh H nói là anh H có mượn của ông Lạc Văn S ở quận T số vàng là 14 lượng lẻ 1ly vàng 18k để cất nhà để vợ chồng cùng ở, đến năm 2019 vợ chồng đã bán căn nhà rồi thuê nhà khác ở, sau đó vợ chồng về bên chị sinh sống. Khi bán nhà xong chị thấy còn tiền nhưng chị không biết anh H có trả số vàng này cho ông Sáng hay chưa, chị không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả số vàng này.

Quá trình giải quyết, bị đơn cho rằng có nợ chung, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bị đơn vắng mặt nhiều lần không rõ lý do nên Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bị đơn.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa: thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng: thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Cao Anh T được ly hôn anh Lê Trung H.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Cao Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/01/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Cao Diễm H (nữ), sinh ngày 16/12/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với tài sản chung: Các đương sự đều trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự tự khởi kiện thành vụ kiện khác.

Đối với nợ chung: Bị đơn trình bày có mượn của ông Lạc Văn S ở quận T số vàng là 14 lượng lẻ 1ly vàng 18k nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể và tài liệu chứng cứ chứng minh theo quy định nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các đương sự tự khởi kiện thành vụ kiện khác.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Cao Anh T và anh Lê Trung H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2009, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng mâu thuẫn gia đình đã phát sinh từ năm 2019, đến năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh chị đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh H đã về nhà anh H sống từ tháng 3 năm 2021 nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không còn quan tâm gì đến nhau. Do không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về phía anh H, mặc dù vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình hôn nhân. Anh cho rằng quá trình chung sống, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đều bận đi làm nên ít quan tâm nhau, Thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau. Sau đó, anh đã về nhà bên anh sống, anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay nhưng anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H là do bất đồng quan điểm, vợ chồng bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, anh chị ít quan tâm nhau dẫn đến mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay, chị T cho rằng không còn tình cảm với anh H nên cương quyết xin ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H cho rằng còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình, thời gian qua cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh H đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng phía anh H nhiều lần vắng mặt không rõ lý do. Điều đó cho thấy anh H đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh H xác định anh chị có hai con tên Lê Cao Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/01/2009 và Lê Cao Diễm H (nữ), sinh ngày 16/12/2014.

Chị T đồng ý giao cháu Diễm Q cho anh H nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Diễm H đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết, anh H cho rằng trường hợp ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu Diễm Q đến trưởng thành, anh H đồng ý việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi. Anh H đồng ý tiếp tục giao cháu Diễm H cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm H mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm H đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T đang nuôi dưỡng cháu Diễm H, anh H đang nuôi dưỡng cháu Diễm Q, hai cháu đang sống ổn định với anh chị, anh chị có đảm bảo cho hai cháu điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diễm Q đến trưởng thành, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diễm H đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H và chị T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi, anh H đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với cháu Lê Cao Diễm H, tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt anh H nên tách phần tài sản chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh H cho rằng có mượn của ông Lạc Văn S ở quận T số vàng là 14 lượng lẻ 1lỹ vàng 18k nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể và tài liệu chứng cứ chứng minh theo quy định. Tòa án đã

thực hiện việc triệu tập anh H đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng anh H nhiều lần vắng mặt không rõ lý do.

Chị T cho rằng không có nợ chung, anh H vắng mặt nên chưa xác định được phần nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Anh T được ly hôn anh Lê Trung H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Cao Diễm Q (nữ), sinh ngày 06/01/2009 cho anh Lê Trung H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị Cao Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Diễm Q mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Diễm Q đủ 18 tuổi.

Giao cháu Lê Cao Diễm H (nữ), sinh ngày 16/12/2014 cho chị Cao Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Lê Trung H không cấp dưỡng nuôi con.

Anh H và chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003212 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị T đã nộp xong).

Chị Cao Anh T phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường T, quận T, Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký

**Lê Thị Thúy Hằng**